

Số: 09 /2021/QĐST-DS

B, ngày 26 tháng 8 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 147, 157, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Biên bản hoà giải thành ngày 17 tháng 8 năm 2021 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 49/2020/TLST-DS ngày 27 tháng 11 năm 2020;

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ông Nguyễn Đình Tr – sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị L – sinh năm 1962

HKTT: thôn Nà Đầy, xã N, huyện C, tỉnh B (Chỗ ở hiện nay: số nhà 132, thị trấn C, huyện Định Hóa, tỉnh T).

* *Bị đơn*: Trường Mầm non N – Người đại diện theo pháp luật: bà Lý Thị P – Hiệu trưởng.

Địa chỉ: thôn Nà Đầy, xã N, huyện C, tỉnh B.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

- Anh Nguyễn Phi L – sinh năm 1986

- Anh Nguyễn Kiên G – sinh năm 1990

Cùng địa chỉ: số nhà 132, thị trấn C, huyện Đ, tỉnh T

Đề nghị ủy quyền cho ông Nguyễn Đình Tr và bà Nguyễn Thị L tham gia tố tụng.

- UBND huyện C – Người đại diện theo ủy quyền: ông Nông Thanh H– Phó Giám đốc Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện C và bà Long Thị H – Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C.

- UBND tỉnh B – Người đại diện theo ủy quyền: ông Ngô Văn V – Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và môi trường tỉnh B

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Đối với tranh chấp quyền sử dụng đất:

* Trường mầm non N, huyện C được tiếp tục quản lý và sử dụng đối với diện tích đất tranh chấp 360,8m² (được xác định bởi các mốc 1,2,3,4,5,6,7,8,13,1) nằm trong tổng diện tích 1275,0m² thửa đất số 01 tờ bản đồ số 176 đã được UBND tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BA 889832 ngày 28/12/2011 cho trường Mầm non N.

(Có sơ đồ diện tích đất tranh chấp kèm theo)

2.2. Về tài sản trên đất tranh chấp là nhà ở và cây cối hoa màu; hỗ trợ về bồi thường tài sản trên đất:

Các bên đương sự thống nhất theo Phương án bồi thường của UBND huyện C, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết trong vụ án này.

2.3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Tổng số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 5.000.000đ *(Năm triệu đồng)*. Ghi nhận thỏa thuận cụ thể như sau:

+ Nguyên đơn tự nguyện chịu ½ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ số tiền 2.500.000đ *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)*, được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ nguyên đơn đã nộp, xác nhận ông Tr bà L đã nộp đủ.

+ Bị đơn Trường mầm non N tự nguyện chịu ½ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền 2.500.000đ *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)*, do nguyên đơn đã nộp tạm ứng nên bị đơn có trách nhiệm thanh toán cho ông Tr, bà L số tiền 2.500.000đ *(Hai triệu năm trăm nghìn đồng)* chi phí xem xét thẩm định tại chỗ.

Trường hợp bị đơn Trường mầm non N chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông Nguyễn Đình Tr và bà Nguyễn Thị L thì việc thi hành án khoản tiền chậm trả được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.3. Về án phí: Nguyên đơn ông Nguyễn Đình Tr và bà Nguyễn Thị L tự nguyện chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 150.000^d *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*, được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 02052 ngày 27/11/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh B. Ông Tr bà L được trả lại 150.000^d *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và

không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Cục THA DS tỉnh B;
- V kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Hoàng Hữu Truyền